

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 931/2020/KDTM-PT  
Ngày 25 tháng 9 năm 2020  
V/v: “tranh chấp hợp đồng tín  
dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Thảo

*Các Thẩm phán:* Bà Vũ Thị Hương

Bà Lưu Thị Đoan Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:*** ông Trần  
Anh Tuấn– Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét  
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2020/TLPT-KDTM ngày 24 tháng  
02 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 944/2019/KDTM-ST ngày  
23/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh bị  
kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4396/2020/QĐXX-PT  
ngày 24/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 9633/2020/QĐ-PT ngày  
07/9/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP E (E)

Trụ sở: Tầng 8 Tòa nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến  
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1983 (Văn  
bản ủy quyền số 186/2018/EIB/UQ-TGD ngày 09/8/2018.) (Có mặt)

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1959

Thường trú: 20/86 Cô Bắc, Phường 01, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ  
Chí Minh; Tạm trú: B507 chung cư Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, Phường  
05, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm: 1974, địa chỉ: 252 Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng: 008461 quyền số: 05TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/5/2019 do Văn phòng Công chứng Sài Gòn lập). (Có mặt)

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Bích Đ1, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Thường trú: 20/86 Cô Bắc, Phường 01, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: B507 chung cư Botanic, 312 Nguyễn Thượng Hiền, Phường 05, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trầm B1, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 13 Hùng Vương, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang bị giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Trà Vinh

3. Bà Viên Đông A1, sinh năm: 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 591 An Dương Vương, phường An Lạc A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Phạm Hữu P1, sinh năm: 1959

Địa chỉ: 153/13 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức T1, sinh năm: 1974, địa chỉ: 252 Phan Xích Long, Phường 7, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số công chứng: 019848 quyền số: 12TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/12/2019 do Văn phòng Công chứng Sài Gòn lập) (Có mặt).

5. Bà Phạm Mỹ L1, sinh năm: 1973 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 153/13 Nguyễn Văn Hưởng, phường Thảo Điền, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Người kháng cáo: Ngân hàng TMCP E là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2016, quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần E (gọi tắt là E) có cùng ông Nguyễn Văn M1 ký Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán số 1401-LAV-201201958 ngày 01/11/2012; Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng 1401-LAV-201201958 lần 01 ngày 29/9/2014 với nội dung số tiền vay 65.000.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh chứng khoán.

Thực hiện hợp đồng, E đã giải ngân và ông M1 đã nhận nợ theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204597 ngày 06/11/2012 và Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ 1401-LDS-201204597 lần 01 ngày 29/9/2014, cụ thể: số tiền vay là 65 tỷ đồng, mục đích vay: kinh doanh chứng khoán, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 06/11/2012 đến 06/11/2017. Lãi suất cho vay: 12%/năm (lãi suất thay đổi 03 tháng/lần theo lãi suất E công bố có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh). Trả nợ gốc một lần khi đáo hạn khoản vay. Từ ngày 06/11/2014 trả lãi khi đáo hạn khoản vay.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng trên là 4.062.500 cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Mã STB) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông M1 theo Hợp đồng bảo đảm số 56/2013/EIB-SG/KHCN/BĐTS ngày 17/5/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số 05/2013/EIB-SG/KHCN/SĐBS ngày 13/9/2013 lần 01. Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án chứng nhận vào lúc 9 giờ 15 phút ngày 10/3/2016 văn bản thông báo số 1206592940. Công văn số 1032/2015/CV-DVCK ngày 04/12/2015 của Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt về việc phong tỏa cổ phiếu STB; Văn bản yêu cầu chuyển khoản cầm cố chứng khoán ngày 22/5/2013 và 17/9/2013;

Tại Mục 1.2 Điều 1 của Hợp đồng bảo đảm số 56/2013/EIB-SG/KHCN/BĐTS ngày 17/5/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số 05/2013/EIB-SG/KHCN/SĐBS ngày 13/9/2013 lần 01 được ký kết giữa E và ông M1 có nội dung thỏa thuận: “Tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ chứng khoán (như quyền mua chứng khoán phát hành thêm, cổ tức, trái tức, lợi tức, chứng khoán thưởng...) cũng thuộc tài sản bảo đảm”. Vì vậy, tính đến ngày 17/9/2017, cổ tức phát sinh từ 4.062.500 cổ phiếu thể chấp tăng lên với tổng số lượng là 6.425.859 cổ phiếu, hiện đang bị Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt phong tỏa, theo Công văn xác nhận phong tỏa của Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt ngày 04/12/2015, cũng thuộc tài sản thể chấp hợp pháp của E.

Quá trình thực hiện các hợp đồng nêu trên, ông M1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, chỉ trả được tổng số tiền lãi: 11.862.500.000 đồng từ ngày giải ngân đến ngày 06/11/2014 rồi ngưng cho đến nay, đồng thời ông M1 có đề nghị điều chỉnh lãi theo từng thời kỳ nên từ ngày 06/11/2014 đến ngày 05/11/2017, mức lãi suất cho vay là 9%/năm.

Tính đến ngày 22/12/2019, ông M1 không thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Tại phiên tòa hôm nay, E yêu cầu Tòa án buộc ông M1 phải thanh toán ngay tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 22/12/2019 là 109.097.083.333 đồng (bao gồm nợ gốc: 65 tỷ đồng; Nợ lãi trong hạn từ ngày 06/11/2014 đến ngày 06/11/2017 với mức lãi suất 9%/năm, số ngày trả là 1097: 17.826.250.000 đồng; Nợ lãi trong hạn từ ngày 07/11/2017 đến ngày 22/12/2019 với mức lãi suất 12,5%/năm, số ngày trả là 776: 17.513.888.889 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 07/11/2017 đến ngày 22/12/2019 với mức lãi suất 6,25%/năm, số ngày trả là

776: 8.756.944.444 đồng). Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 23/12/2019 cho đến khi ông M1 trả xong nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký.

Trường hợp ông M1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì phát mại tài sản đảm bảo là 6.425.859 cổ phiếu STB và tất cả các quyền lợi tài chính và các quyền khác phát sinh từ cổ phiếu cầm cố thuộc quyền sở hữu của ông M1 để thu hồi nợ cho E. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không thu hồi đủ nợ thì ông M1 tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho E đến khi xong nợ.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn trình bày:

Ông M1 xác nhận từ năm 2012, ông có đứng tên dùm ông Trầm Bê số lượng 47.355.510 cổ phiếu STB, tổng trị giá: 746 tỷ đồng.

Theo chỉ đạo của ông Bê, ông M1 đã dùng toàn bộ số cổ phiếu này để đảm bảo các khoản vay tại E cho nhóm 07 cổ đông, vay tổng số tiền 746 tỷ đồng, trong đó có ông vay 65 tỷ đồng. Số tiền vay này do ông Phạm Hữu Phú sử dụng để mua 67.228.757 cổ phiếu EIB. Số cổ phiếu này do 07 cổ đông đứng dùm cho ông Phú.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T1 là đại diện ủy quyền của ông M1 đồng ý cho E phát mại toàn bộ số lượng cổ phiếu đã thế chấp là 6.425.859 để thanh toán nợ cho E, ông cũng chỉ đồng ý trả lãi từ ngày nhận nợ 06/11/2012 đến ngày hết hạn hợp đồng 06/11/2017 là 17.826.250.000 đồng, ông không đồng ý trả lãi trong hạn và lãi quá hạn từ ngày 07/11/2017 đến khi trả nợ xong, vì việc chậm phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là do E, không phải lỗi do ông M1. Sau khi phát mại, nếu thiếu hụt thì ông Bê, ông Phú sẽ bù vào trả cho đủ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trầm B1 trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/4/2018, ông B1 xác nhận ông có nhờ ông M1 đứng tên dùm 6.425.859 cổ phiếu STB, việc đứng tên dùm chỉ nói miệng với nhau. Ông cũng có chỉ đạo ông M1 đứng ra bảo lãnh bằng số cổ phiếu này để vay tiền của Ngân hàng E, nhưng ông không nhớ rõ số tiền đã vay là bao nhiêu, trả vốn và lãi như thế nào. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đồng ý phát mại toàn bộ số cổ phiếu của ông do ông M1 đứng tên dùm một lần để thanh toán nợ cho E. Ông cũng không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Đ1 trình bày:

Việc chồng bà là ông M1 có ký kết hợp đồng vay tiền của Ngân hàng E và thế chấp bằng cổ phiếu STB thuộc sở hữu của ông M1 là chuyện làm ăn riêng của ông M1, bà không rõ số tiền vay trong hợp đồng tín dụng là bao nhiêu và không có liên quan gì. Do đó, bà có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa cũng như khi Tòa xét xử vụ án.

Trong suốt quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Viên Đông Anh và bà Phạm Mỹ Linh cho rằng tranh chấp trong vụ án là việc làm ăn riêng của chồng nên không liên quan đến vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hữu P1 đã ủy quyền cho ông Nguyễn Đức T1 đại diện và ông T1 trình bày: ông P1 hoàn toàn thống nhất với ý kiến của ông M1 về việc đồng ý trả nợ gốc 65 tỷ đồng và tiền lãi chỉ tính từ ngày nhận nợ đến ngày hết hạn hợp đồng, đồng thời ông cũng đề nghị phát mại toàn bộ cổ phiếu của E để thanh toán nợ.

Bản án kinh doanh thương mại số 944/2019/KDTM-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1, 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 342, Điều 343, Điều 349, Điều 350, khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông M1 có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán số 1401-LAV-201201958 ngày 01/11/2012; Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng lần 01 ngày 29/9/2014. Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204597 ngày 06/11/2012 và Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ lần 01 ngày 29/9/2014, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 65.000.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng);

Nợ lãi: 17.826.250.000 đồng (Mười bảy tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng, ông M1 phải thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E là 82.826.250.000 đồng (Tám mươi hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngân hàng Thương mại cổ phần E có nghĩa vụ thực hiện thủ tục xóa phong tỏa 6.425.859 (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi

chín) cổ phiếu Sacombank và các quyền phát sinh từ cổ phiếu của ông M1, mã chứng khoán STB, số ĐKSH 021875179 đang phong tỏa tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt, ngay khi ông M1 thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán số 1401-LAV-201201958 ngày 01/11/2012, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204597 ngày 06/11/2012 mà không phải thực hiện việc phát mại, đồng thời hoàn trả các chứng từ sở hữu liên quan đến số cổ phiếu nêu trên cho ông M1.

Trường hợp ông M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP E được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, phát mại tài sản bảo đảm là 6.425.859 (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi chín) cổ phiếu tại Sacombank và các giá trị phát sinh từ cổ phiếu này của ông M1, mã chứng khoán STB, số ĐKSH 021875179 đang phong tỏa tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt.

Nếu sau khi phát mại mà giá trị phát mại cổ phiếu lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông M1 đối với Ngân hàng TMCP E, thì Ngân hàng TMCP E phải hoàn lại phần giá trị còn lại cho ông M1.

Nếu sau khi phát mại mà giá trị phát mại cổ phiếu nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông M1 đối với Ngân hàng TMCP E, thì ông M1 có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn lại. Trường hợp xảy ra tình huống này, kể từ ngày tiếp theo của ngày phát mại tài sản đảm bảo, cho đến khi thi hành án xong các khoản phải trả, ông M1 phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/01/2020, E kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ giữa E và ông M1 thì thời hạn vay là 60 tháng. Do ông M1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi trong hạn theo đúng hợp đồng, ông M1 phải trả lãi quá hạn đối với khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn cho đến khi trả hết nợ cho E. Án sơ thẩm cho rằng cổ phiếu ông M1 cầm cố tại E bị phong tỏa nên không thể phát mại là sự kiện khách quan, không phải lỗi của người vay là không phù hợp với khoản 4.1 Điều 4 Hợp đồng bảo đảm số 56/2013/EIB.SG/KHCN/BĐTS ngày 17/5/2013 mà hai bên đã ký. Cổ phiếu của ông M1 bị Trung tâm lưu ký chứng khoán phong tỏa theo đề nghị của Ủy ban chứng khoán nhà nước là lỗi

của bên ông M1, E không có lỗi. Do đó ông M1 phải chịu trách nhiệm thanh toán lãi trong hạn, quá hạn cho E đến khi khoản vay được tắt toán.

Vì vậy nguyên đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: buộc ông M1 phải thanh toán cho E tổng số nợ gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 109.097.083.333 đồng. Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký với E.

Bị đơn trình bày: không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị y án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc ủy quyền đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 05/7/2016 của nguyên đơn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì việc khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào địa chỉ của bị đơn, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn kháng cáo Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nên thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa Kinh tế Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ theo điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Bích Đào, bà Viên Đông Anh vắng mặt; bà Phạm Mỹ Linh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Đối với ông Trầm Bê đã có ý kiến trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và hiện tại ông đang bị tạm

giam tại Trại giam Công an tỉnh Trà Vinh nên việc xét xử vắng mặt ông Bê không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là E: Ông M1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngoài nghĩa vụ thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi trong hạn theo đúng hợp đồng, ông M1 phải trả lãi quá hạn đối với khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn cho đến khi trả hết nợ cho E tổng số nợ gốc và lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 109.097.083.333 đồng. Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán và Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ đã ký với E.

Ngày 01/11/2012, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán số 1401-LAV-201201958; ngày 29/9/2014 ký Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng 1401-LAV-201201958 lần 01 và Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204597 lần 1. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 65.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 06/11/2012 đến 06/11/2017; kỳ hạn trả nợ gốc ngày 06/11/2017. Trả lãi 12 tháng/lần vào ngày 06, tiền lãi phát sinh từ 07/11/2014 đến 06/11/2017 trả vào cuối kỳ (ngày 06/11/2017). Để đảm bảo khoản nợ, ông M1 có ký Hợp đồng bảo đảm số 56/2013/EIB-SG/KHCN/BĐTS ngày 17/5/2013 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số 05/2013/EIB-SG/KHCN/SĐBS ngày 13/9/2013 lần 01 thế chấp 4.062.500 cổ phiếu, thế chấp tại Ngân hàng E, tính đến ngày 06/11/2017 tổng số lượng là 6.425.859 cổ phiếu hiện đang được Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt phong tỏa thuộc quyền sở hữu của ông M1.

[2.2] Giao dịch vay, thế chấp cổ phiếu của các bên được điều chỉnh bởi Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cụ thể tại Điều 14 của Thông tư quy định: *“Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu trên cơ sở bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác hoặc trên cơ sở bảo đảm bằng cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác; không được cấp tín dụng trung hạn, dài hạn cho khách hàng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu.”* Đồng thời, Điều 22 Thông tư nói trên cũng quy định các hợp đồng được ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng. Trong vụ án này, ông M1 ký hợp đồng và thế chấp đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng E bằng các cổ phiếu của Sacombank là vi phạm Điều 14 Thông tư nói trên. Tuy nhiên, do giao dịch xảy ra trước thời điểm Thông tư có hiệu lực nên theo Điều 22 của Thông tư, giao dịch của các bên được tiếp tục thực hiện đến khi kết thúc hợp đồng (06/11/2017).



[2.3] Bên cạnh đó, tại Điều 7 Hợp đồng đảm bảo số 56/2013/EIB-SG/KHCN/BĐTS ngày 17/5/2013, các bên thoả thuận về việc xử lý tài sản đảm bảo như sau: “7.1. Trong trường hợp đến hạn mà khách hàng không thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho E thì E có quyền giải quyết theo một trong những cách sau đây: 1. E trực tiếp bán tài sản đảm bảo...; Tại mục 2 Giấy đề nghị “V/v phong tỏa, chuyển nhượng và xử lý chứng khoán là tài sản đảm bảo” số 338/2013/EIB-SG/KHCN ký ngày 22/5/2013, số 579/2013/EIB-SG/KHCN ký ngày 16/9/2013 hai bên (ông Mậu và E) cùng thống nhất như sau: “b/... Khách hàng đồng ý để cho E có toàn quyền quyết định đối với số chứng khoán nêu trên mà không cần phải thông báo cho khách hàng hoặc văn bản chấp thuận của khách hàng, kể cả quyền xử lý chứng khoán để thu hồi nợ, quyền quyết định giá bán, thời điểm bán, khách hàng mua, phương thức mua bán”; Những thoả thuận nêu trên giữa các bên là phù hợp Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về “Xử lý tài sản thế chấp”. Tại phiên tòa hôm nay, các bên cũng xác nhận ông M1 đã nhiều lần đề nghị nguyên đơn xử lý tài sản thế chấp để tất toán nợ thể hiện qua biên bản làm việc ngày 05/09/2017, 18/09/2017. Điều này thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn có thiện chí giải quyết nợ gốc trước hạn. Mặt khác, vào ngày 05/07/2016, tức còn 16 tháng nữa mới đến kỳ trả lãi phát sinh từ ngày 06/11/2014 đến ngày 06/11/2017 như cam kết, nhưng E đã khởi kiện buộc ông M1 phải trả cả gốc lẫn lãi, trường hợp ông M1 không trả thì phát mại toàn bộ 6.425.859 cổ phần STB do ông M1 đứng tên để thu hồi nợ; Việc E khởi kiện trước khi hết thời hạn vay trong hợp đồng thể hiện ý chí của nguyên đơn muốn dừng việc hợp đồng trước hạn. Quá trình giải quyết nguyên đơn cũng có nhiều văn bản xin ý kiến của Ngân hàng Nhà nước để giải tỏa tài sản thế chấp. Việc tài sản thế chấp bị phong tỏa nên không thể bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là sự kiện khách quan, không phải lỗi của bị đơn vì vậy không thể tính lãi cho người vay vì lý do nguyên đơn không bán được tài sản đảm bảo để thu hồi nợ như án sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[2.4] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự thống nhất nội dung: Số nợ gốc ông M1 phải thanh toán là 65.000.000.000 đồng, lãi trong hạn từ ngày 06/11/2014 đến ngày 06/11/2017  $(1.097 \text{ ngày}) \times 9\% / \text{năm} \times 65.000.000.000 \text{ đồng} = 17.826.250.000 \text{ đồng}$ . Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc ông M1 thanh toán nợ gốc và lãi như trên. Đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu ông M1 phải trả lãi trong hạn (17.513.888.889 đồng), lãi quá hạn (8.756.944.444 đồng) từ ngày 07/11/2017 đến ngày 22/12/2019 và tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả xong, như đã phân tích ở trên là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên E phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm căn cứ theo quy định tại Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 944/2019/KDTM-ST ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1, 2 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 342, Điều 343, Điều 349, Điều 350, khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, lệ phí tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông M1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán số 1401-LAV-201201958 ngày 01/11/2012; Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng lần 01 ngày 29/9/2014. Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204597 ngày 06/11/2012 và Biên bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ lần 01 ngày 29/9/2014, cụ thể như sau:

Nợ gốc: 65.000.000.000 đồng (Sáu mươi lăm tỷ đồng);

Nợ lãi: 17.826.250.000 đồng (Mười bảy tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng, ông M1 phải thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần E là 82.826.250.000 đồng (Tám mươi hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần E có nghĩa vụ thực hiện thủ tục xóa phong tỏa 6.425.859 (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi chín) cổ phiếu Sacombank và các quyền phát sinh từ cổ phiếu của ông M1, mã chứng khoán STB, số ĐKSH 021875179 đang phong tỏa tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt, ngay khi ông M1 thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng đồng tín dụng kiêm cầm cố chứng khoán số 1401-LAV-

201201958 ngày 01/11/2012, Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1401-LDS-201204597 ngày 06/11/2012 mà không phải thực hiện việc phát mại, đồng thời hoàn trả các chứng từ sở hữu liên quan đến số cổ phiếu nêu trên cho ông M1.

Trường hợp ông M1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần E được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, phát mại tài sản bảo đảm là 6.425.859 (Sáu triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi chín) cổ phiếu tại Sacombank và các quyền phát sinh từ cổ phiếu này của ông M1, mã chứng khoán STB, số ĐKSH 021875179 đang phong tỏa tại Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt.

Nếu sau khi phát mại mà giá trị phát mại lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông M1 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần E, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần E phải hoàn lại phần giá trị còn lại cho ông M1.

Nếu sau khi phát mại mà giá trị phát mại nhỏ hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của ông M1 đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần E, thì ông M1 có trách nhiệm thanh toán tiếp số tiền còn lại. Trường hợp này, kể từ ngày tiếp theo của ngày phát mại tài sản đảm bảo, cho đến khi thực hiện xong các khoản phải trả, ông M1 phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án.

Các đương sự thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

## 2. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần E phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 134.270.833 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn tám trăm ba mươi ba đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 91.391.000 đồng (Chín mươi một triệu ba trăm chín mươi một ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0008469 ngày 19/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Thương mại cổ phần E còn phải nộp 42.879.833 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn tám trăm ba mươi ba đồng).

Ông M1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 190.826.250 đồng (Một trăm chín mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Ngân hàng Thương mại cổ phần E phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0042561 ngày 13/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Phú Nhuận;
- TAND quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Thảo**